

Bản án số: 731/2024/HS-PT
Ngày: 26-8-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 525/2024/TLPT-HS ngày 14/6/2024, đối với bị cáo Phan Nhật M cùng các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 754/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2024

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phan Nhật M**, sinh năm 1989 tại tỉnh Ninh Thuận; Nơi ĐKKHKT: Khu phố G, phường B, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; Nơi cư trú: Khu phố A, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Tự do; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Phan Văn M1 và bà Nguyễn Thị K; Có vợ là Phạm Thị Bích T và 02 người con sinh năm 2011, 2018; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án số 60/HSST ngày 27/10/2009, của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 16 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2023 đến ngày 23/6/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Văn T1**, sinh năm 1994 tại tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT: xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Thợ xây; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa:

9/12; Con ông Lê Văn C và bà Trương Thị Đ; Có vợ là Lê Thị T2 và 01 người con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1994 tại tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT: xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Thợ xây; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Lê Thị Đ1; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Họ và tên: **Nguyễn Hữu S**, sinh năm 1990 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: 5 H, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Thợ xây; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Tấn N1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3; Có vợ là Phạm Thị L và 01 người con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Họ và tên: **Lê Văn K1**, sinh năm 1996 tại tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT: xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Thợ xây; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thổ; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Lê Văn T4 và bà Nguyễn Thị Đ2; Tiền án, tiền sự: không; Có vợ là Lê Thị H1 và 02 người con, sinh năm 2020 và 2023; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Họ và tên: **Nguyễn Đình H2**, sinh năm 1992 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Tự do; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Đình T5 và bà Trần Thị V; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị cáo đồng thời là bị hại có kháng cáo:

7. Họ và tên: **Lê Minh K2**, sinh năm 1987 tại tỉnh Ninh Thuận; Nơi ĐKHKTT: T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Xây dựng; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Lê Văn T6 và bà Lê Thị Hoàng D; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Lê Thành K3, Lê Duy H3, Trương Văn L1 và Lê Văn D1 nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Thu T7, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, Q, Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn L1 và Lê Minh K2 cùng làm thợ sơn nước, trong quá trình làm việc L1 và anh K2 có mâu thuẫn với nhau. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14/04/2019, Trương Văn L1 cùng Lê Văn D1, Lê Văn K1, Lê Văn T1, Nguyễn Văn H ăn uống tại quán T9, đường C, phường I, Đ. Trong ăn uống, L1 được chị vợ là Bùi Thị M2 điện thoại báo cho L1 biết anh K2 có cầm dao đi tìm L1. Nghe vậy, L1 rủ D1, K1, T1, H tìm đánh K2 thì được cả nhóm đồng ý. Lúc này, có D2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ăn uống bàn bên cạnh có quen biết với D1, biết nhóm L1 chuẩn bị tìm đánh K2, D2 đề nghị đi theo giúp sức thì được cả nhóm đồng ý. Khi đó, Nguyễn Hữu S là bạn của L1 đến, biết được việc nhóm của L1 chuẩn bị tìm đánh K2, S đồng ý đi theo giúp sức. L1 chở D1, K1 chở S, H chở T1, còn D2 đi xe máy một mình cùng đi tìm K2. Khi đến phòng trọ của K2 tại A P, phường H, Đ không tìm thấy K2, L1 điện thoại cho K2 rồi cả hai hẹn gặp nhau tại ngã ba đường T, N, phường I, Đ. Lúc này K2 đang ăn uống cùng Nguyễn Đình H2, Phan Nhật M, Nguyễn Thị Thu T7 tại địa chỉ I T, phường I, Đ, sau khi hẹn gặp nhóm của L1 thì K2 cùng H2, T7 đến ngã ba đường T, N. Nhóm L1 đi đến đường T thì chia thành hai nhóm, K1 và S đi theo theo hướng đường nhánh lên đường Nguyễn Đình C1 đến ngã ba giao với đường T, còn L1, D1, H, T1, D2 đi theo hướng đường T đến ngã ba giao với đường N với mục đích chặn đánh K2.

Trong thời gian đó thì Lê Minh K2 đang nhậu cùng Nguyễn Đình H2, Phan Nhật M, Nguyễn Thị Thu T7, Lê Thành K3, Lê Duy H3 tại phòng trọ của M ở địa chỉ: Số I T, phường I, thành phố Đ. Sau khi kể lại việc hẹn gặp L1 tại ngã ba giao giữa đường N và đường T để giải quyết mâu thuẫn cho những người ngồi nhậu nghe thì K2 đi một mình đến điểm hẹn với L1. Biết việc K2 chuẩn bị đánh nhau với nhóm của L1 thì cả nhóm thống nhất đi theo để giúp K2. Khi đi thì K3 cầm theo một con dao có đặc điểm: dạng dao gập màu đen, dài khoảng 20cm; H2 cầm một con dao mã tấu; M cầm một con dao rựa; H3 cầm một con dao thái lan, cán màu đen, dài khoảng 20cm; T7 không cầm theo gì.

Đến khoảng 18 giờ 15 cùng ngày, khi L1 và D1 đến trước địa chỉ A T, phường I, Đ thì nhìn thấy K2 đang đứng gần ngã ba T, Nguyễn Đình C1. L1 xuống xe xông đến dùng tay chân đánh K2, K2 bị L1 đánh thì đánh trả. D1 thấy L1 và K2 đánh nhau thì đi đến dùng tay xô đẩy, hất K2 về sau tạo điều kiện cho L1 đánh K2. Lúc này, D1 thấy Nguyễn Đình H2 cầm dao đi tới nên quay sang giằng co dao với H2.

Cùng lúc đó, K1 chở S đi từ đường N đến. S xuống xe thì K3 cùng H3 cầm dao đi ra vị trí của của S. K3, H3 cùng cầm dao trên tay đâm S, nhưng không trúng, K3 bị S đâm một cái vào mặt. Khi S đang đánh nhau với K3 và H3 thì M cầm dao rựa chạy đến đuổi đánh S, S bỏ chạy về hướng Phan Chu T8. M đuổi theo S khoảng 20m thì không đuổi nữa và đi bộ quay lại.

Khi S bỏ chạy thì K3 và H3 quay lại đánh nhau với D2. K3 sử dụng dao đâm D2 nhưng không trúng. K3 nhìn thấy H3 cầm dao chém một nhát vào tay phải của D2. Dương cầm một con dao đánh lại K3 và H3. Khi H3 và D2 đang vung dao về phía nhau thì K2 chạy đến đứng giữa K3 và D2 can ngăn không cho K3 đâm D2. Hai bên giằng co, bức tức thì K3 cầm dao trên tay phải đâm 03 (ba) nhát trúng vào ngực, hông phải và tay phải của K2. K2 ôm K3 rồi cả hai ngã xuống mương nước bên đường. Sau đó K3 đứng dậy, thấy K2 chảy máu nhiều nên K3 rút con dao đang cầm trên tay rồi bỏ chạy xuống phòng trọ của M.

M không đuổi được S nên quay lại, khi đến ngã ba đường N - T thì nhìn thấy K2 đang nằm dưới mương nước và nhìn thấy Dương cầm dao nên M chạy đến sử dụng dao đang cầm trên tay chém về phía D2 thì Dương lùi lại phía sau và quay sang đánh nhau với K2; thì bị Dương cầm dao đâm vào vai trái. M cầm dao đuổi D2 về hướng đường T, rồi về phòng trọ.

Do đang đi trên đường T, Phường I cùng nhóm của L1 để đến địa điểm mà L1 đã hẹn với K2 thì xe mô tô H và T1 đi bị hết xăng, nên H và T1 dắt xe đi bộ phía sau nhóm L1. Trên đường đi bộ thì H và T1 nhặt bên lề đường mỗi người một đoạn cây gỗ dài khoảng 01m để chuẩn bị đánh nhau. Đang dắt xe đi tiếp thì H và T1 gặp T7, H2 và hai người đàn ông khác đi bộ ngược chiều. Thao cầm cây gậy gỗ vừa nhặt đuổi theo rồi đánh một cái vào lưng một người đi cùng H2 và T7. H2 và T7 cùng hai người đàn ông đang đi cùng nhau bỏ chạy xuống đường Trạng Trình ra phía Hồ Xuân H4.

Thao và H tiếp tục đi ra hướng đường N, đi được một đoạn thì gặp D2 đi bộ ngược chiều đến. Lúc đó, tay trái của D2 chảy nhiều máu, tay phải D2 đang cầm một con dao (dạng dao bấm, dài khoảng 20cm). Khi đó D2 nhìn thấy H2 và T7 đang đứng trên đường gần đó, nên Dương cầm dao chỉ về phía H2 và nói H2 là người chém D2. D2 nhờ T1 chở D2 đuổi theo để đâm H2. T1 điều khiển xe máy chở D2 ngồi giữa, H ngồi sau lưng D2 đuổi theo xe mô tô đang do H2 điều khiển chở T7. Đến bờ hồ X thì không thấy H2 và T7 đâu, nên T1 không đuổi nữa. D2 nhờ T1 chở đi bệnh viện để xử lý vết thương, còn H thì đi lấy xe của T1 (bị hết xăng) dắt về. (BL: 117-199, 258-281).

Anh Lê Minh K2 bị các vết thương sau: 01 vết thương thấu ngực, tràn máu màng phổi, thủng màng tim; 01 vết thương ngực bên phải, liên sườn 5, 6, kích thước 02 x 01 cm; 01 vết thương ở bụng phải 02 x 01 cm; 01 vết thương ở cánh tay phải kích thước 02 x 01 cm, gây đứt động mạch cánh tay phải; lúc vào nhập viện không có mạch, không có huyết áp.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 155/2019-TgT ngày 14/6/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh L xác định: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Minh K2 là 28%, tổn thương do vật sắc nhọn gây nên. (BL: 85,86).

Ngày 21/03/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ có quyết định trưng cầu giám định lại số 02 đối với bị hại Lê Minh K2;

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1773/C09B ngày 01/4/2022 của Bộ C2 - Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tổng tỷ lệ phân trăm thương tích của các vết thương: 01 vết thương ngực (P) liên sườn 5,6 sát bờ (P) xương ức 2x1cm; 01 vết mặt trong cánh tay (P) dài 0,2cm, 01 vết thương bụng (P) trên đường rạch giữa 2x1cm là 35/% (BL 419-421).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 74 ngày 01/4/2022 của Bộ C2 - Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Các thương tích trên người của ông Lê Minh K2 có đặc điểm phù hợp do vật sắc nhọn tác động tạo ra. Do thời gian xảy ra đã lâu, các vết thương đã qua quá trình can thiệp phẫu thuật và điều trị ổn định, không đủ cơ sở khoa học để xác định chiều hướng gây ra các thương tích trên. (BL 422,423)

Vật chứng thu giữ: 01 (một) con dao dài 80 cm, cán dao bằng gỗ dài 50 cm, lưỡi dao dài 30 cm.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn thu giữ một số tài sản khác. Xét không liên quan đến vụ án nên ngày 06/11/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 81/QĐ-CSHS bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu. (BL: 110-116C)

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo Lê Thành K3 đã bồi thường cho bị hại K2 số tiền 100 triệu đồng.

Tại Bản cáo trạng số 70/2023/CT-VKSLĐ ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xét xử đối bị cáo Lê Thành K3 về tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Xét xử các bị cáo Phan Nhật M, Lê Duy H3, Lê Văn T1, Nguyễn Văn H về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Lê Minh K2, Trương Văn L1, Lê Văn D1, Nguyễn Hữu S, Lê Văn K1 và Nguyễn Đình H2 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lê Thành K3 phạm tội “Giết người”.

Các bị cáo Phan Nhật M, Lê Duy H3, Lê Văn T1, Nguyễn Văn H, Lê Minh K2, Trương Văn L1, Lê Văn D1, Nguyễn Hữu S, Lê Văn K1 và Nguyễn Đình H2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thành K3,

Xử phạt bị cáo Lê Thành K3 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 16/9/2022.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phan Nhật M, Lê Duy H3, Lê Văn T1, Nguyễn Văn H; các bị cáo H3, M được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Nhật M 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 20/6/2023 đến ngày 23/6/2023 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Lê Duy H3 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 13/7/2023 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các Lê Minh K2, Trương Văn L1, Lê Văn D1, Nguyễn Hữu S, Lê Văn K1 và Nguyễn Đình H2

Xử phạt bị cáo Trương Văn L1 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Minh K2 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn K1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H2 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo.

Vào các ngày 08/5, 09/5, 14/5, 15/5 và 20/5/2024, các bị cáo Nguyễn Hữu S, Lê Văn K1, Lê Minh K2, Lê Văn T1, Phan Nhật M, Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Phan Nhật M, Lê Văn T1, Nguyễn Văn H, Lê Minh K2, Nguyễn Hữu S, Lê Văn K1 và Nguyễn Đình H2 tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phan Nhật M, Lê Văn T1, Nguyễn Văn H, Lê Minh K2, Nguyễn Hữu S, Lê Văn K1 và Nguyễn Đình H2 tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phan Nhật M, Lê Văn T1, Nguyễn Văn H, Lê Minh K2, Nguyễn Hữu S, Lê Văn K1 và Nguyễn Đình H2 làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phan Nhật M, Lê Văn T1, Nguyễn Văn H, Lê Minh K2, Nguyễn Hữu S, Lê Văn K1 và Nguyễn Đình H2 rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy việc rút toàn bộ kháng cáo của các bị cáo M, T1, H, K2, S, K1 và H2 là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo này theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Phan Nhật M, Lê Văn T1, Nguyễn Văn H, Lê Minh K2, Nguyễn Hữu S, Lê Văn K1 và Nguyễn Đình H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với các bị cáo Phan Nhật M, Lê Văn T1, Nguyễn Văn H, Lê Minh K2, Nguyễn Hữu S, Lê Văn K1 và Nguyễn Đình H2.

[2] Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 07/5/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành quyết định này.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phan Nhật M, Lê Văn T1, Nguyễn Văn H, Lê Minh K2, Nguyễn Hữu S, Lê Văn K1 và Nguyễn Đình H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các bị cáo;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa